

# **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ VĂN PHÒNG CƯỜNG PHÁT**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ VĂN PHÒNG CƯỜNG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CUONG PHAT OFFICE EQUIPMENT CO.,LTD

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108009583

**3. Ngày thành lập:** 03/10/2017

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 53 đường Xuân Hồng, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>Mã ngành</b> |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.         | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;                                                                                                                                                                                                     | 4932            |
| 2.         | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5021            |
| 3.         | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5022            |
| 4.         | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5510            |
| 5.         | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3313            |
| 6.         | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3314            |
| 7.         | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4511            |
| 8.         | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô:<br>+ Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động,<br>+ Bảo dưỡng thông thường,<br>+ Sửa chữa thân xe,<br>+ Sửa chữa các bộ phận của ô tô,<br>+ Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,<br>+ Sửa tấm chắn và cửa sổ,<br>+ Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô,<br>+ Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế, | 4520            |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                   | 1629        |
| 10. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3900        |
| 11. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4512        |
| 12. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>không bao gồm đầu giá ô tô và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                     | 4513        |
| 13. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4541        |
| 14. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4542        |
| 15. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                     | 4620        |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                | 4649        |
| 17. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651        |
| 18. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4652        |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                                                              | 4659(Chính) |
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến | 4663        |
| 21. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                     | 4741        |
| 22. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                   | 4761        |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                        | 4931        |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933        |
| 25. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5610        |
| 26. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                              | 5621        |
| 27. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5630        |

|     |                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                        | 9511 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                         | 8299 |
| 30. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                  | 1010 |
| 31. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                          | 1020 |
| 32. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                     | 1030 |
| 33. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                | 1621 |
| 34. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                          | 1622 |
| 35. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                          | 1623 |
| 36. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                       | 3312 |
| 37. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                 | 3830 |
| 38. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.<br>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng | 5629 |
| 39. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                    | 3100 |
| 40. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm đầu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)                                  | 4543 |
| 41. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                    | 3700 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ HẠNH | Tiểu khu Bình Nam, Thị trấn Bình Mỹ, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam           | 2.500.000.000         | 50,000    | 168273268                                                                                                                                         |         |
| 2   | PHẠM ĐỨC CUÔNG  | Đội 5, Xã Hải Phương, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                         | 2.500.000.000         | 50,000    | 162461600                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HẠNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 02/05/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 168273268

Ngày cấp: 20/03/2007

Nơi cấp: Công An Hà Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tiểu khu Bình Nam, Thị trấn Bình Mỹ, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tiểu khu Bình Nam, Thị trấn Bình Mỹ, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội